

POLIME

1. Khái niệm:

a, Khái niệm

(điền từ thích hợp vào chỗ trống)

- Polime là những hợp chất có do nhiều đơn vị cơ sở (.....) với nhau tạo nên.

Ví dụ: $(\text{CH}_2 - \text{CH}_2)_n$

- Hệ số n là (hoặc).

b, Danh pháp:

(Chọn từ thích hợp điền vào ô trống sao cho đúng về cách gọi tên polime)

- Tên monome chỉ gồm 1 cụm từ:

- Tên polime = + tên

- Tên monome gồm từ 2 cụm từ trở lên:

- Tên polime = + (tên)

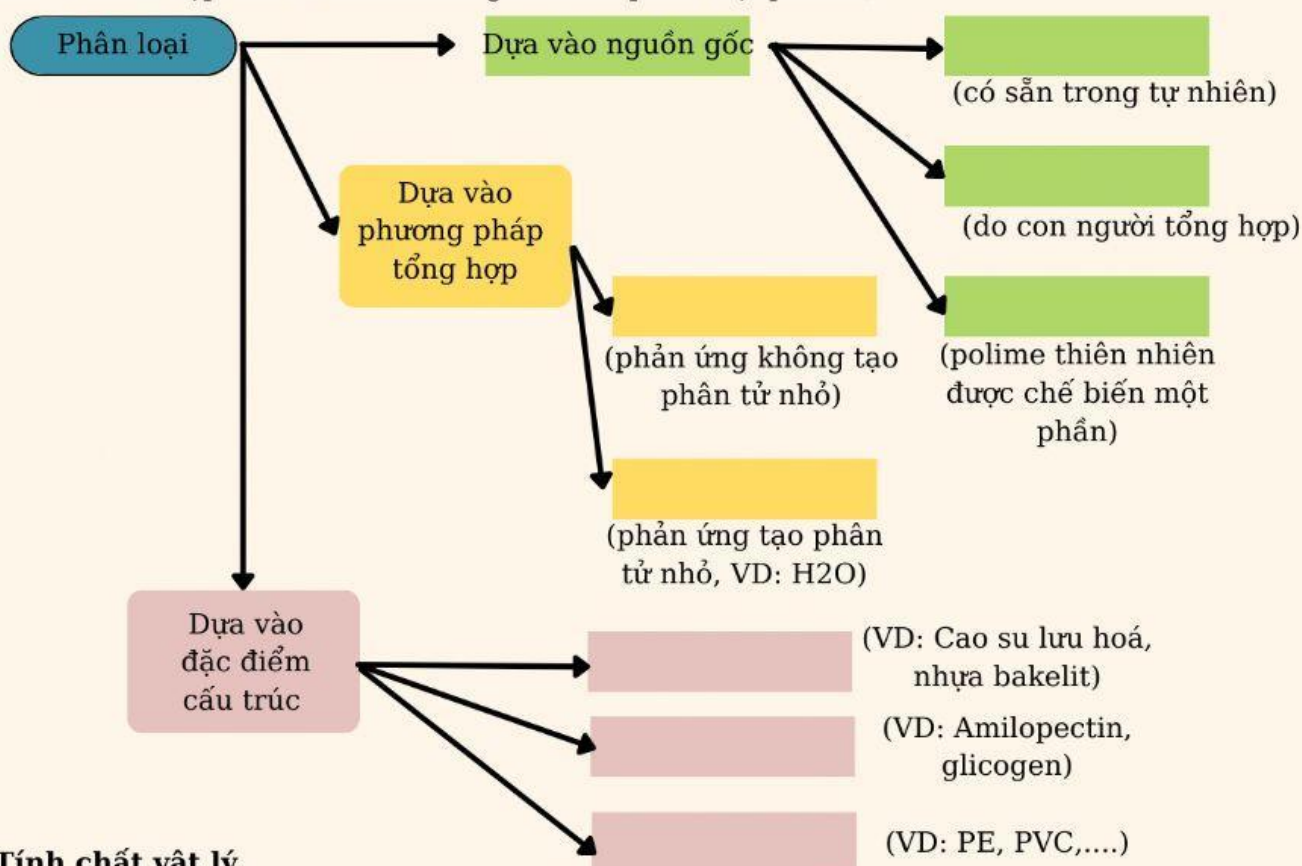
BT: Gọi tên polime sau:

$(\text{CH}_2 - \text{CH}_2)_n$

$(\text{CH}_2 - \text{CHCl})_n$

c, Phân loại

(Điền từ thích hợp vào sơ đồ cho đúng về cách phân loại polime)



2. Tính chất vật lý.

(Tick v vào những từ nói về tính chất vật lý của hầu hết các polime)

Chất lỏng, chất rắn, không có nhiệt độ nóng chảy xác định, dễ bay hơi, không bay hơi,

có nhiệt độ nóng chảy xác định, dễ tan trong nước, không tan trong các dung môi

thường, tính mềm, tính dẻo, tính đàn hồi, dễ kéo sợi, dẫn điện, dẫn nhiệt tốt, cách điện, cách nhiệt.

3. Ứng dụng

(Nêu ứng dụng của polime trong đời sống và sản xuất)